

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19/01/2018

“ V/v ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu, Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 418/TLST – HNGĐ, ngày 26/12/2017 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 /2018/ QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : chị Chu Thị S; Sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ : Thôn 9, T N, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn : anh Nguyễn Văn H; Sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 3, xã B M, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Chu Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T N, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 04/11/ 2014. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, anh Nguyễn Văn H hay chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng hay cãi vã chửi bới xúc phạm lẫn nhau , không hòa hợp với nhau, mỗi người có tính cách sống khác nhau, sự việc xảy ra đã lâu, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Về tài sản và nợ : Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Chu Thị S về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó có mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về tài sản và nợ : Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

- 1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.
- 2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Chu Thị S có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H, nay chị Chu Thị S xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H, vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- 3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Chu Thị S và Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T N, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Chu Thị S là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Nguyễn Văn H và chị Chu Thị S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đều thừa nhận, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Chu Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- 4/ Về con chung : Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết
- 5/ Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- 6/ Về án phí : chị Chu Thị S nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Chu Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 04/11/2014 do UBND xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- 2/ Về con chung : Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ chung : Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: chị Chu Thị S nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021722 ngày 26/12/2017 (Đã nộp xong)

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên